



SAIGON ACADEMY

Giáo trình:

THỦ TỤC HẢI QUAN

2027

MỤC LỤC

PHẦN 1: TỜ KHAI HẢI QUAN XUẤT NHẬP	1
I. TỔNG QUAN VỀ TỜ KHAI HẢI QUAN	1
1. Khái niệm tờ khai hải quan	1
2. Vai trò của tờ khai hải quan	1
3. Các loại tờ khai hải quan	2
4. Tờ khai hàng hóa xuất khẩu	3
5. Tờ khai hàng hóa nhập khẩu	4
6. Nguyên tắc khai và sử dụng tờ khai hải quan	6
7. Trách nhiệm của người khai hải quan	7
8. Mối quan hệ giữa tờ khai hải quan và bộ chứng từ XNK	7
II. CẤU TRÚC TỔNG THỂ CỦA TỜ KHAI HẢI QUAN	10
1. Bố cục tờ khai hải quan	10
2. Các nhóm thông tin trên tờ khai	11
3. Thông tin quản lý của cơ quan Hải quan	12
4. Thông tin về doanh nghiệp	13
5. Thông tin về hàng hóa	14
6. Thông tin về vận chuyển hàng hóa	16
7. Thông tin về hóa đơn và trị giá	17
8. Thông tin về thuế và các khoản phải nộp	18
9. Thông tin về kiểm tra, thông quan và xử lý của Hải quan	19
III. THÔNG TIN CHUNG TRÊN TỜ KHAI	27
1. Số tờ khai	27
2. Số tờ khai liên quan	28

3. Mã phân loại kiểm tra	29
4. Mã loại hình	30
5. Mã số hàng hóa đại diện	31
6. Cơ quan Hải quan tiếp nhận	32
7. Mã bộ phận xử lý	32
8. Ngày đăng ký và ngày thay đổi đăng ký	33
9. Thời hạn tái nhập, tái xuất	34
IV. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN	36
1. Người xuất khẩu	36
2. Người nhập khẩu	37
3. Người ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu	38
4. Mã số doanh nghiệp	39
5. Tên doanh nghiệp	40
6. Địa chỉ, mã bưu chính, số điện thoại	41
7. Mã nước	42
8. Đại lý hải quan	43
9. Mã nhân viên Hải quan	44
V. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA	45
1. Số vận đơn	45
2. Số lượng hàng hóa	46
3. Tổng trọng lượng hàng (Gross)	48
4. Số lượng container	49
5. Địa điểm lưu kho	50
6. Địa điểm xếp hàng	50
7. Địa điểm dỡ hàng	51

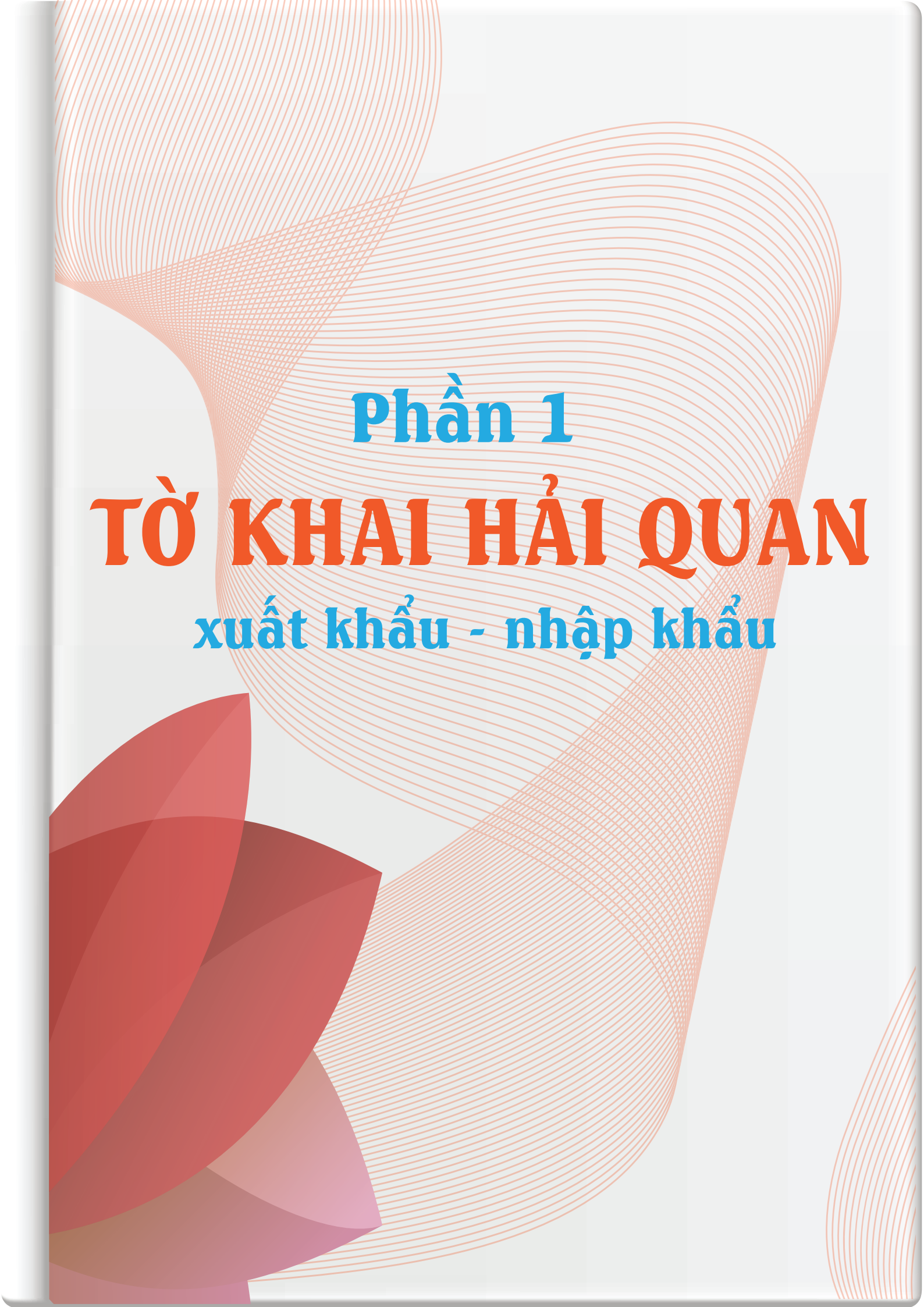
8. Phương tiện vận chuyển	52
9. Ngày hàng đi dự kiến / ngày hàng đến	53
10. Ký hiệu và số hiệu	54
11. Thông tin trung chuyển	55
12. Địa điểm đích của vận chuyển bảo thuế	55
13. Các lỗi thường gặp khi khai thông tin vận chuyển	58
VI. HÓA ĐƠN VÀ TRỊ GIÁ HẢI QUAN	59
1. Số hóa đơn	59
2. Số tiếp nhận hóa đơn điện tử	61
3. Ngày phát hành hóa đơn	61
4. Phương thức thanh toán	62
5. Tổng trị giá hóa đơn	63
6. Tổng trị giá tính thuế	63
7. Tỷ giá tính thuế	64
8. Mã phân loại khai trị giá	65
9. Khai trị giá tổng hợp	65
10. Các khoản điều chỉnh	66
11. Phí vận chuyển	67
12. Phí bảo hiểm	67
13. Hệ số phân bổ trị giá	68
14. Chi tiết khai trị giá	69
VII. CHI TIẾT HÀNG HÓA VÀ THUẾ	71
1. Mã số hàng hóa	71
2. Mô tả hàng hóa	73
3. Mã quản lý riêng	74

4. Số lượng và đơn vị tính	74
5. Trị giá hóa đơn	75
6. Đơn giá hóa đơn	76
7. Trị giá tính thuế	76
8. Số lượng, đơn giá tính thuế	77
9. Thuế suất	78
10. Số tiền thuế	79
11. Miễn, giảm, không chịu thuế	79
12. Nước xuất xứ	80
13. Các loại thuế và khoản thu khác	81
14. Tổng số tiền thuế phải nộp	82
15. Kiểm tra sự phù hợp giữa mã HS – mô tả – trị giá – thuế	82
16. Checklist kiểm tra một dòng hàng	84
PHẦN 2: THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG HÓA XNK	86
I. TỔNG QUAN VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN	86
1. Khái niệm thủ tục hải quan	86
2. Đối tượng áp dụng	88
3. Hàng hóa phải làm thủ tục hải quan	89
4. Các địa điểm làm thủ tục hải quan	90
5. Quy trình thủ tục hải quan điện tử	92
6. Những nguyên tắc quản lý hải quan hiện đại	93
II. THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG HÓA KINH DOANH	95
1. Khái niệm hàng hóa kinh doanh	95
2. Hồ sơ hải quan	96
3. Chuẩn bị chứng từ	96

4. Quy trình khai báo	99
5. Phân luồng tờ khai	100
6. Nộp thuế và thông quan	101
7. Ví dụ thực tế	101
III. THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG GIA CÔNG	103
1. Khái niệm gia công cho thương nhân nước ngoài	103
2. Điều kiện thực hiện	104
3. Thông báo hợp đồng gia công	105
4. Thủ tục nhập nguyên liệu	105
5. Quản lý nguyên liệu, vật tư	106
6. Thủ tục xuất khẩu sản phẩm gia công	107
7. Thanh khoản hợp đồng gia công	108
8. Xử lý nguyên liệu dư thừa, phế liệu, phế phẩm	109
9. Những lưu ý thường gặp	109
IV. THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG SẢN XUẤT XUẤT KHẨU	111
1. Khái niệm loại hình sản xuất xuất khẩu	111
2. Điều kiện áp dụng	112
3. Thủ tục nhập khẩu nguyên liệu	113
4. Quản lý nguyên liệu	114
5. Thủ tục xuất khẩu sản phẩm	115
6. Báo cáo quyết toán	115
7. Xử lý nguyên liệu dư thừa	116
8. Kiểm tra sau thông quan	117
9. Ví dụ thực tế	118

V. THỦ TỤC HẢI QUAN DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT (EPE)	119
1. Khái niệm doanh nghiệp chế xuất	119
2. Điều kiện áp dụng	119
3. Chính sách hải quan đối với EPE	120
4. Thủ tục nhập khẩu	121
5. Thủ tục xuất khẩu	122
6. Giao dịch với nội địa	123
7. Kiểm tra, giám sát hải quan	123
8. Báo cáo quyết toán	124
9. Các lỗi thường gặp	125
VI. THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG HÓA XNK TẠI CHỖ	126
1. Khái niệm xuất nhập khẩu tại chỗ	126
2. Các trường hợp được áp dụng	127
3. Điều kiện thực hiện	127
4. Hồ sơ hải quan	128
5. Quy trình khai báo	129
6. Nghĩa vụ thuế	130
7. Hoàn thành thủ tục	130
8. Ví dụ thực tế	131
VII. THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG TẠM NHẬP - TÁI XUẤT	132
1. Khái niệm tạm nhập - tái xuất	132
3. Các mặt hàng được phép kinh doanh	133
4. Hồ sơ hải quan	134
5. Thủ tục tạm nhập	134
6. Quản lý hàng hóa trong thời gian lưu giữ	135

7. Thủ tục tái xuất	136
8. Gia hạn thời gian lưu giữ	136
9. Chính sách thuế	137
10. Quản lý rủi ro và giám sát hải quan	137
11. Ví dụ thực tế	138
VIII. CÁC LỖI THƯỜNG GẶP VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN	139
1. Khai sai loại hình	139
2. Sai mã HS	140
3. Sai trị giá hải quan	141
4. Sai xuất xứ	141
6. Thiếu hồ sơ chuyên ngành	143
7. Chậm báo cáo quyết toán	144
8. Vi phạm thời hạn tái xuất	144
9. Kinh nghiệm hạn chế rủi ro trong quá trình làm TTHQ	145
IX. TÌNH HUỐNG THỰC TẾ	147
1. Thủ tục nhập khẩu hàng kinh doanh	147
2. Thủ tục nhập nguyên liệu gia công	148
3. Thủ tục nhập nguyên liệu sản xuất xuất khẩu	149
4. Thủ tục xuất khẩu của doanh nghiệp chế xuất	150
5. Thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ	151
6. Thủ tục tạm nhập - tái xuất máy móc	151
7. Xử lý hàng bị phân luồng đỏ	152
8. Xử lý khi khai sai tờ khai hải quan	153
9. Một số kinh nghiệm thực tiễn	154



Phần 1

TỜ KHAI HẢI QUAN

xuất khẩu - nhập khẩu

PHẦN 1: TỜ KHAI HẢI QUAN XUẤT NHẬP

I. TỔNG QUAN VỀ TỜ KHAI HẢI QUAN

1. Khái niệm tờ khai hải quan

Tờ khai hải quan là chứng từ do người khai hải quan sử dụng để cung cấp các thông tin cần thiết về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cho cơ quan Hải quan theo quy định của pháp luật hải quan.

Có thể hiểu một cách đơn giản, **tờ khai hải quan là “bản khai chính thức” của doanh nghiệp với cơ quan Hải quan về một lô hàng xuất khẩu hoặc nhập khẩu**. Thông qua tờ khai, người khai hải quan cung cấp các thông tin cơ bản để cơ quan Hải quan thực hiện việc tiếp nhận, kiểm tra, giám sát và quyết định thông quan hoặc thực hiện các biện pháp xử lý tiếp theo theo quy định.

Trên thực tế, tờ khai hải quan chứa rất nhiều nhóm thông tin khác nhau. Mẫu tờ khai xuất khẩu thể hiện các thông tin như số tờ khai, mã loại hình, cơ quan Hải quan tiếp nhận, người xuất khẩu, người nhập khẩu, số vận đơn, số lượng, trọng lượng, địa điểm xếp dỡ, phương tiện vận chuyển, hóa đơn, phương thức thanh toán, tổng trị giá hóa đơn và trị giá tính thuế.

Đối với tờ khai nhập khẩu, ngoài các nhóm thông tin tương tự, mẫu tờ khai còn thể hiện các nội dung về khai trị giá, các khoản điều chỉnh, phí vận chuyển, phí bảo hiểm, các sắc thuế, tổng số tiền thuế phải nộp và tỷ giá tính thuế.

Như vậy, tờ khai hải quan không đơn thuần là một biểu mẫu hành chính mà là **nguồn thông tin trung tâm của quá trình làm thủ tục hải quan**.

2. Vai trò của tờ khai hải quan

Tờ khai hải quan có vai trò quan trọng đối với cả doanh nghiệp và cơ quan Hải quan.

Thứ nhất, tờ khai là cơ sở để doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan

Khi có hàng hóa xuất khẩu hoặc nhập khẩu thuộc đối tượng phải làm thủ tục hải quan, người khai phải cung cấp thông tin về hàng hóa và giao dịch cho cơ quan Hải quan thông qua tờ khai theo quy định.

Tờ khai giúp cơ quan Hải quan xác định được:

- Hàng hóa nào được xuất khẩu hoặc nhập khẩu;
- Ai là người xuất khẩu, người nhập khẩu;
- Hàng hóa có số lượng, trọng lượng như thế nào;
- Hàng được vận chuyển bằng phương thức nào;
- Hàng được xếp, dỡ hoặc lưu giữ ở đâu;

- Hàng hóa có trị giá bao nhiêu;
- Hàng hóa thuộc mã số nào;
- Các loại thuế, phí và nghĩa vụ tài chính liên quan.

Thứ hai, tờ khai là cơ sở để cơ quan Hải quan kiểm tra và quản lý hàng hóa

Thông qua các thông tin trên tờ khai, cơ quan Hải quan có thể thực hiện việc phân loại, kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa khi cần thiết và áp dụng các biện pháp quản lý phù hợp.

Mẫu tờ khai thực tế có các trường liên quan đến mã phân loại kiểm tra, mã loại hình, cơ quan Hải quan tiếp nhận, bộ phận xử lý và các nội dung thông báo của Hải quan.

Thứ ba, tờ khai là cơ sở xác định nghĩa vụ thuế

Đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu, tờ khai chứa các thông tin phục vụ việc xác định trị giá tính thuế, thuế suất và số tiền thuế phải nộp.

Mẫu tờ khai nhập khẩu thể hiện các trường về trị giá tính thuế, thuế suất, số tiền thuế, số tiền miễn giảm, tổng tiền thuế và tổng số tiền thuế phải nộp.

Thứ tư, tờ khai là nguồn dữ liệu phục vụ quản lý hoạt động xuất nhập khẩu

Thông tin trên tờ khai có thể được sử dụng để phục vụ công tác thống kê, quản lý rủi ro, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động quản lý nhà nước khác theo quy định.

Thứ năm, tờ khai giúp doanh nghiệp kiểm soát tính thống nhất của bộ chứng từ

Một tờ khai chính xác phải có sự phù hợp với các chứng từ liên quan như hợp đồng, hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn, giấy phép, chứng từ xuất xứ và các chứng từ khác tùy từng trường hợp.

Vì vậy, việc lập tờ khai cũng là một bước quan trọng để doanh nghiệp kiểm tra tính nhất quán của thông tin trong toàn bộ bộ chứng từ xuất nhập khẩu.

3. Các loại tờ khai hải quan

Trong hoạt động xuất nhập khẩu, có thể phân loại tờ khai hải quan theo nhiều tiêu chí khác nhau.

3.1. Phân loại theo chiều dịch chuyển của hàng hóa

Có hai nhóm cơ bản:

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu: sử dụng để khai báo hàng hóa đưa từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc thực hiện các loại hình xuất khẩu theo quy định.

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu: sử dụng để khai báo hàng hóa từ nước ngoài đưa vào Việt Nam hoặc thực hiện các loại hình nhập khẩu theo quy định.

3.2. Phân loại theo loại hình xuất nhập khẩu

Trong thực tế, doanh nghiệp có thể thực hiện nhiều loại hình khác nhau, chẳng hạn:

- Xuất khẩu kinh doanh;
- Nhập khẩu kinh doanh;
- Xuất khẩu sản phẩm sản xuất xuất khẩu;
- Nhập khẩu nguyên liệu, vật tư;
- Nhập khẩu để gia công;
- Xuất khẩu sản phẩm gia công;
- Tạm nhập – tái xuất;
- Tạm xuất – tái nhập;
- Xuất nhập khẩu tại chỗ;
- Các loại hình khác theo quy định.

Do đó, **mã loại hình** là một trong những thông tin quan trọng trên tờ khai.

3.3. Phân loại theo phương thức khai báo

Tờ khai hải quan trong thực tế được thực hiện chủ yếu theo phương thức điện tử thông qua hệ thống hải quan điện tử theo quy định.

Do đó, người khai cần nắm được không chỉ nội dung từng chỉ tiêu mà còn phải hiểu cách truyền, tiếp nhận, sửa đổi và xử lý thông tin trên hệ thống.

4. Tờ khai hàng hóa xuất khẩu

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu được sử dụng để khai báo thông tin đối với hàng hóa xuất khẩu.

Mẫu tờ khai xuất khẩu có thể được chia thành các nhóm thông tin lớn:

Nhóm 1 – Thông tin chung

Bao gồm:

- Số tờ khai;
- Số tờ khai liên quan;
- Mã phân loại kiểm tra;
- Mã loại hình;
- Mã số hàng hóa đại diện;
- Cơ quan Hải quan tiếp nhận;
- Ngày đăng ký;
- Thời hạn tái nhập, tái xuất nếu có.

Nhóm 2 – Thông tin về các bên tham gia

Bao gồm người xuất khẩu, người nhập khẩu, người ủy thác xuất khẩu và đại lý hải quan.

Nhóm 3 – Thông tin vận chuyển

Bao gồm số vận đơn, số lượng, tổng trọng lượng, địa điểm lưu kho, địa điểm dỡ hàng, địa điểm xếp hàng, phương tiện vận chuyển dự kiến và ngày hàng đi dự kiến.

Nhóm 4 – Thông tin hóa đơn và trị giá

Bao gồm giấy phép xuất khẩu, số tiếp nhận hóa đơn điện tử, ngày phát hành, phương thức thanh toán, tổng trị giá hóa đơn, tổng trị giá tính thuế và tỷ giá tính thuế.

Nhóm 5 – Thông tin chi tiết hàng hóa

Đối với từng dòng hàng, người khai phải khai các thông tin như mã số hàng hóa, mô tả hàng hóa, số lượng, trị giá hóa đơn, đơn giá, trị giá tính thuế, thuế suất và số tiền thuế.

Như vậy, khi học tờ khai xuất khẩu, cần hình thành cho người học tư duy đọc theo trình tự:

Thông tin chung → Doanh nghiệp → Vận chuyển → Hóa đơn & trị giá → Chi tiết hàng hóa → Thuế → Xử lý của Hải quan.

5. Tờ khai hàng hóa nhập khẩu

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu được sử dụng để khai báo thông tin đối với hàng hóa nhập khẩu.

Về cấu trúc, tờ khai nhập khẩu có nhiều nhóm thông tin tương tự tờ khai xuất khẩu nhưng có một số nội dung cần chú trọng hơn, đặc biệt là **trị giá hải quan, xuất xứ và thuế nhập khẩu**.

Nhóm 1 – Thông tin chung

Bao gồm số tờ khai, mã phân loại kiểm tra, mã loại hình, cơ quan Hải quan tiếp nhận, ngày đăng ký và các thông tin quản lý khác.

Nhóm 2 – Thông tin doanh nghiệp

Bao gồm người nhập khẩu, người xuất khẩu, người ủy thác nhập khẩu, người ủy thác xuất khẩu và đại lý hải quan.

Nhóm 3 – Thông tin vận chuyển

Bao gồm số vận đơn, số lượng, tổng trọng lượng, số lượng container, địa điểm lưu kho, địa điểm dỡ hàng, địa điểm xếp hàng, phương tiện vận chuyển và ngày hàng đến.

Nhóm 4 – Hóa đơn và trị giá

Đây là nhóm đặc biệt quan trọng đối với tờ khai nhập khẩu.

Người khai phải quan tâm đến:

- Số hóa đơn;
- Phương thức thanh toán;
- Tổng trị giá hóa đơn;
- Tổng trị giá tính thuế;
- Mã phân loại khai trị giá;
- Các khoản điều chỉnh;
- Phí vận chuyển;
- Phí bảo hiểm;
- Chi tiết khai trị giá.

Các trường này được thể hiện rõ trong mẫu tờ khai nhập khẩu.

Nhóm 5 – Chi tiết hàng hóa và thuế

Đối với từng dòng hàng, tờ khai thể hiện:

- Mã số hàng hóa;
- Mô tả hàng hóa;
- Số lượng;
- Trị giá hóa đơn;
- Đơn giá;
- Trị giá tính thuế;
- Thuế suất;
- Số tiền thuế;
- Nước xuất xứ;
- Miễn, giảm, không chịu thuế;
- Thuế và các khoản thu khác.

Có thể thấy, tờ khai nhập khẩu không chỉ là công cụ khai báo hàng hóa mà còn là một **bảng tổng hợp các dữ liệu quan trọng để xác định nghĩa vụ tài chính của người nhập khẩu.**

6. Nguyên tắc khai và sử dụng tờ khai hải quan

Khi lập và sử dụng tờ khai hải quan, người khai cần tuân thủ một số nguyên tắc cơ bản.

a. Khai đầy đủ các thông tin thuộc trách nhiệm của người khai

Người khai phải xác định đúng các chỉ tiêu cần khai và cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Không nên hiểu rằng chỉ những ô liên quan đến thuế mới quan trọng. Một sai sót ở thông tin doanh nghiệp, vận chuyển, hóa đơn hoặc hàng hóa cũng có thể ảnh hưởng đến quá trình xử lý tờ khai.

b. Thông tin khai phải chính xác

Các thông tin trên tờ khai phải phản ánh đúng thực tế giao dịch và hàng hóa.

Ví dụ, các thông tin về:

Tên hàng ↔ mã HS ↔ số lượng ↔ đơn vị tính ↔ trị giá ↔ xuất xứ ↔ thuế suất

phải có sự phù hợp và logic với nhau.

c. Thông tin trên tờ khai phải phù hợp với chứng từ

Tờ khai không nên được lập độc lập với bộ chứng từ.

Người khai cần đối chiếu thông tin trên tờ khai với hóa đơn, vận đơn, packing list, hợp đồng, giấy phép, chứng từ xuất xứ và các chứng từ liên quan.

d. Khai đúng loại hình

Mã loại hình có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định bản chất của giao dịch và chế độ quản lý hàng hóa.

Do đó, trước khi khai, người khai cần xác định đúng mục đích và loại hình xuất nhập khẩu của lô hàng.

e. Khai đúng từng dòng hàng

Đối với lô hàng có nhiều mặt hàng, cần xác định cách phân chia dòng hàng phù hợp.

Mỗi dòng hàng phải thể hiện đầy đủ các thông tin liên quan đến mã hàng, mô tả, số lượng, trị giá và thuế.

f. Kiểm tra tờ khai trước khi hoàn tất

Một bước rất quan trọng là kiểm tra lại toàn bộ tờ khai trước khi hoàn tất việc khai báo.

Có thể áp dụng phương pháp kiểm tra theo 5 nhóm:

Thông tin chung → Doanh nghiệp → Vận chuyển → Hóa đơn & trị giá → Hàng hóa & thuế.

Đây cũng chính là phương pháp xuyên suốt của bài học này.

7. Trách nhiệm của người khai hải quan

Người khai hải quan là chủ thể trực tiếp cung cấp thông tin cho cơ quan Hải quan và chịu trách nhiệm đối với nội dung khai báo theo quy định.

Có thể khái quát trách nhiệm của người khai thành các nhóm sau:

Thứ nhất, chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin khai báo

Người khai phải kiểm tra thông tin trước khi truyền tờ khai và chịu trách nhiệm đối với nội dung đã khai.

Thứ hai, chịu trách nhiệm về hồ sơ và chứng từ liên quan

Người khai phải chuẩn bị và cung cấp các chứng từ cần thiết theo từng loại hình, từng mặt hàng và từng trường hợp.

Thứ ba, chịu trách nhiệm về việc xác định hàng hóa

Người khai phải xác định đúng bản chất hàng hóa, tên hàng, mã HS, số lượng, đơn vị tính, xuất xứ và các thông tin khác có liên quan.

Thứ tư, chịu trách nhiệm về trị giá và nghĩa vụ thuế

Đối với hàng hóa nhập khẩu, người khai phải đặc biệt chú ý đến trị giá khai báo, các khoản điều chỉnh, phí vận chuyển, bảo hiểm, thuế suất và số tiền thuế.

Mẫu tờ khai nhập khẩu cho thấy các thông tin này được liên kết với nhau trong phần khai trị giá và phần tính thuế.

Thứ năm, phối hợp với cơ quan Hải quan

Trong quá trình làm thủ tục, người khai phải thực hiện các yêu cầu của cơ quan Hải quan theo quy định, bao gồm việc cung cấp hồ sơ, giải trình thông tin và phối hợp kiểm tra khi thuộc trường hợp phải kiểm tra.

8. Mối quan hệ giữa tờ khai hải quan và bộ chứng từ XNK

Tờ khai hải quan có mối quan hệ chặt chẽ với toàn bộ bộ chứng từ của một giao dịch xuất nhập khẩu.

Có thể hình dung:

Bộ chứng từ xuất nhập khẩu → Cung cấp dữ liệu → Tờ khai hải quan → Cơ quan Hải quan kiểm tra, xử lý → Thông quan/giải phóng hàng theo quy định.

8.1. Tờ khai và hợp đồng ngoại thương

Hợp đồng cung cấp các thông tin cơ bản về:

- Người mua;
- Người bán;
- Tên hàng;
- Số lượng;

- Đơn giá;
- Điều kiện giao hàng;
- Phương thức thanh toán.

Những thông tin này là cơ sở để đối chiếu khi lập tờ khai.

8.2. Tờ khai và hóa đơn thương mại

Hóa đơn thương mại là nguồn thông tin quan trọng để khai:

- Số hóa đơn;
- Ngày phát hành;
- Người bán;
- Người mua;
- Trị giá hàng hóa;
- Đồng tiền thanh toán;
- Điều kiện thương mại.

Mẫu tờ khai xuất khẩu và nhập khẩu đều có các trường liên quan đến hóa đơn và trị giá.

8.3. Tờ khai và Packing List

Packing List giúp đối chiếu:

- Số lượng kiện;
- Số lượng hàng;
- Quy cách đóng gói;
- Trọng lượng;
- Ký mã hiệu.

Các thông tin về số lượng và tổng trọng lượng cũng được thể hiện trên tờ khai.

8.4. Tờ khai và vận đơn

Vận đơn cung cấp thông tin liên quan đến:

- Số vận đơn; Người gửi;
- Người nhận;
- Phương tiện vận chuyển;
- Cảng xếp hàng;
- Cảng dỡ hàng;
- Hành trình vận chuyển.

Tờ khai cũng có các trường về **số vận đơn, địa điểm xếp hàng, địa điểm dỡ hàng và phương tiện vận chuyển**, do đó cần kiểm tra tính thống nhất giữa hai chứng từ.

8.5. Tờ khai và chứng từ xuất xứ

Đối với hàng nhập khẩu, chứng từ xuất xứ có thể có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định xuất xứ hàng hóa và khả năng áp dụng chính sách thuế theo từng trường hợp.

Mẫu tờ khai nhập khẩu có trường **“Nước xuất xứ”** trong phần khai chi tiết hàng hóa.

8.6. Tờ khai và giấy phép, chứng từ quản lý chuyên ngành

Đối với hàng hóa thuộc diện quản lý bằng giấy phép hoặc phải đáp ứng điều kiện kiểm tra chuyên ngành, người khai phải kiểm tra các yêu cầu liên quan trước khi thực hiện thủ tục.

Mẫu tờ khai xuất khẩu có trường **“Giấy phép xuất khẩu”**, trong khi mẫu nhập khẩu có trường **“Giấy phép nhập khẩu”** và các nội dung liên quan đến kiểm tra.

II. CẤU TRÚC TỔNG THỂ CỦA TỜ KHAI HẢI QUAN

1. Bố cục tờ khai hải quan

Tờ khai hải quan là chứng từ trung tâm trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan. Đây là nơi người khai hải quan cung cấp cho cơ quan Hải quan những thông tin cơ bản và cần thiết liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải, doanh nghiệp, trị giá, thuế và các nội dung khác phục vụ công tác quản lý nhà nước về hải quan.

Người khai hải quan nhập các chỉ tiêu thông tin theo quy định; hệ thống tiếp nhận, kiểm tra và xử lý dữ liệu, sau đó cung cấp kết quả để người khai tiếp tục thực hiện các bước thủ tục cần thiết.

Về tổng thể, có thể hình dung tờ khai hải quan gồm các nhóm thông tin lớn sau:

1. Thông tin quản lý và tiếp nhận tờ khai;
2. Thông tin về người xuất khẩu, người nhập khẩu và các bên liên quan;
3. Thông tin về hàng hóa;
4. Thông tin về vận chuyển hàng hóa;
5. Thông tin về hóa đơn, trị giá và các điều kiện giao dịch;
6. Thông tin về thuế và các khoản phải nộp;
7. Thông tin về kiểm tra, thông quan và xử lý của cơ quan Hải quan.

Các nhóm thông tin này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Do đó, người khai hải quan không nên xem việc khai tờ khai đơn thuần là “điền đủ các ô thông tin”, mà phải hiểu **ý nghĩa pháp lý và nghiệp vụ của từng nhóm chỉ tiêu**.

1.1. Tờ khai chính và các thông tin chi tiết

Một tờ khai hải quan có thể chứa nhiều dòng hàng. Mỗi dòng hàng phản ánh một mặt hàng hoặc một nhóm hàng có các đặc điểm khai báo tương ứng như tên hàng, mã HS, xuất xứ, số lượng, đơn vị tính, trị giá và các thông tin liên quan.

Đối với những lô hàng có nhiều mặt hàng, người khai phải tổ chức thông tin một cách khoa học để bảo đảm mỗi dòng hàng thể hiện đúng bản chất của hàng hóa.

Ví dụ: Một doanh nghiệp nhập khẩu:

- 100 chiếc máy in;
- 500 hộp mực in;
- 200 bộ linh kiện máy in.

Nếu các mặt hàng có mã HS, đơn vị tính, xuất xứ hoặc mức thuế khác nhau thì thông thường phải được thể hiện thành các dòng hàng phù hợp, thay vì gộp chung một cách tùy tiện.

1.2. Mối quan hệ giữa các chỉ tiêu

Các chỉ tiêu trên tờ khai không tồn tại độc lập. Một thông tin sai có thể dẫn đến nhiều sai lệch khác.

Ví dụ, nếu khai sai mã HS thì có thể đồng thời ảnh hưởng đến:

- thuế suất;
- số tiền thuế phải nộp;
- chính sách quản lý hàng hóa;
- yêu cầu về giấy phép hoặc kiểm tra chuyên ngành;
- việc áp dụng ưu đãi thuế quan nếu có;
- thông tin phục vụ thống kê xuất nhập khẩu.

Vì vậy, kỹ năng quan trọng của người khai hải quan là phải **kiểm tra tính logic giữa các chỉ tiêu**, thay vì chỉ kiểm tra từng ô riêng biệt.

2. Các nhóm thông tin trên tờ khai

Để thuận tiện cho việc học tập và thực hành, có thể chia thông tin trên tờ khai hải quan thành các nhóm cơ bản như sau:

Thông tin	Nội dung chủ yếu	Mục đích
Thông tin quản lý	Số tờ khai, thời điểm đăng ký, cơ quan Hải quan, kết quả phân luồng...	Quản lý và xử lý tờ khai
Thông tin do-anh nghiệp	Người xuất khẩu, nhập khẩu, mã số doanh nghiệp, địa chỉ...	Xác định chủ thể thực hiện giao dịch
Thông tin hàng hóa	Tên hàng, mã HS, số lượng, trọng lượng, xuất xứ...	Xác định bản chất và chính sách hàng hóa
Thông tin vận chuyển	Phương thức vận chuyển, địa điểm xếp/dỡ, phương tiện...	Quản lý quá trình vận chuyển
Hóa đơn và trị giá	Loại hóa đơn, số hóa đơn, trị giá, điều kiện giao hàng...	Xác định trị giá hải quan
Thuế	Loại thuế, thuế suất, tiền thuế, miễn giảm...	Xác định nghĩa vụ tài chính
Kiểm tra và thông quan	Kết quả kiểm tra, quyết định xử lý, trạng thái thông quan...	Hoàn tất thủ tục hải quan

Trong thực tế, một số thông tin có thể được hệ thống tự động hỗ trợ hoặc kiểm tra dựa trên dữ liệu đã có. Tuy nhiên, người khai vẫn phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và phù hợp của những thông tin thuộc trách nhiệm khai báo.

Nguyên tắc quan trọng khi đọc tờ khai

Có thể áp dụng trình tự:

Ai? → Hàng gì? → Giao dịch thế nào? → Vận chuyển ra sao? → Trị giá bao nhiêu? → Thuế thế nào? → Hải quan xử lý ra sao?

Trong đó:

- **Ai?:** xác định người xuất khẩu, nhập khẩu và các bên liên quan;
- **Hàng gì?:** xác định tên hàng, mã HS, số lượng, xuất xứ;
- **Giao dịch thế nào?:** xác định loại hình, hợp đồng, hóa đơn, điều kiện giao hàng;
- **Vận chuyển ra sao?:** xác định phương thức, địa điểm và phương tiện vận chuyển;
- **Trị giá bao nhiêu?:** xác định giá hóa đơn và trị giá hải quan;
- **Thuế thế nào?:** xác định thuế suất và số tiền phải nộp;
- **Hải quan xử lý ra sao?:** xác định phân luồng, kiểm tra và kết quả thông quan.

Đây là cách tiếp cận rất hữu ích đối với người mới học khai báo hải quan.

3. Thông tin quản lý của cơ quan Hải quan

Nhóm thông tin quản lý phản ánh quá trình cơ quan Hải quan tiếp nhận, phân loại, kiểm tra và xử lý tờ khai.

Một số nội dung thường gặp gồm:

3.1. Số tờ khai

Số tờ khai là thông tin quan trọng dùng để nhận diện một tờ khai cụ thể trong hệ thống. Khi thực hiện các công việc liên quan đến lô hàng, doanh nghiệp và cơ quan Hải quan thường sử dụng số tờ khai để tra cứu, đối chiếu và xử lý hồ sơ.

Người khai cần đặc biệt lưu ý tránh nhầm số tờ khai giữa các lô hàng, đặc biệt khi doanh nghiệp thực hiện nhiều tờ khai trong cùng một ngày.

3.2. Thời điểm đăng ký tờ khai

Thời điểm đăng ký có ý nghĩa trong việc xác định quá trình xử lý tờ khai và trong một số trường hợp có thể liên quan đến việc áp dụng chính sách quản lý, thuế hoặc tỷ giá theo quy định.

Do đó, không nên xem thời điểm đăng ký chỉ là thông tin kỹ thuật.

3.3. Cơ quan Hải quan tiếp nhận

Tờ khai được đăng ký và xử lý tại cơ quan Hải quan có thẩm quyền theo quy định. Thông tin này giúp xác định đơn vị Hải quan chịu trách nhiệm xử lý thủ tục đối với tờ khai.

3.4. Phân luồng tờ khai

Một nội dung quan trọng trong quản lý hải quan điện tử là kết quả phân luồng.

Về nguyên tắc nghiệp vụ, có thể hiểu khái quát:

- **Luồng xanh:** hàng hóa được chấp nhận thông quan trên cơ sở kết quả xử lý của hệ thống, không thuộc trường hợp phải kiểm tra hồ sơ hoặc kiểm tra thực tế theo quy trình tương ứng;
- **Luồng vàng:** cơ quan Hải quan thực hiện kiểm tra hồ sơ;
- **Luồng đỏ:** cơ quan Hải quan thực hiện kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định.

Phân luồng không đồng nghĩa với việc doanh nghiệp “tốt” hay “xấu”. Đây là một công cụ quản lý rủi ro nhằm lựa chọn mức độ kiểm tra phù hợp đối với từng lô hàng.

4. Thông tin về doanh nghiệp

Nhóm thông tin doanh nghiệp nhằm xác định các chủ thể tham gia giao dịch xuất khẩu, nhập khẩu.

4.1. Người xuất khẩu

Người xuất khẩu là chủ thể đưa hàng hóa ra khỏi lãnh thổ hải quan theo giao dịch xuất khẩu. Thông tin có thể bao gồm:

- tên doanh nghiệp hoặc tổ chức;
- mã số;
- địa chỉ;
- quốc gia;
- các thông tin nhận diện liên quan.

Đối với hàng nhập khẩu, thông tin về người xuất khẩu nước ngoài giúp Hải quan xác định nguồn hàng và đối chiếu với chứng từ thương mại.

4.2. Người nhập khẩu

Người nhập khẩu là chủ thể nhận hàng và thực hiện nghĩa vụ liên quan đến nhập khẩu theo quy định.

Thông tin về người nhập khẩu thường gắn với:

- tên doanh nghiệp;
- mã số thuế/mã số doanh nghiệp;
- địa chỉ;
- thông tin đăng ký liên quan.

Đây là nhóm thông tin quan trọng vì nó liên quan trực tiếp đến chủ thể chịu trách nhiệm khai báo và thực hiện nghĩa vụ đối với hàng nhập khẩu.

4.3. Người khai hải quan

Người khai hải quan có thể là doanh nghiệp trực tiếp thực hiện khai báo hoặc chủ thể được ủy quyền thực hiện thủ tục theo quy định.

Trong trường hợp doanh nghiệp sử dụng dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, cần phân biệt rõ:

chủ hàng/người xuất khẩu, nhập khẩu và người thực hiện khai báo.

Việc phân biệt này giúp xác định đúng trách nhiệm của từng chủ thể trong quá trình làm thủ tục.

4.4. Mã số doanh nghiệp

Mã số là thông tin nhận diện quan trọng trong hệ thống hải quan. Khi khai báo, người thực hiện cần bảo đảm thông tin doanh nghiệp phù hợp với hồ sơ và dữ liệu đăng ký.

Một lỗi tưởng như đơn giản, chẳng hạn chọn nhầm mã doanh nghiệp hoặc thông tin người nhập khẩu, có thể khiến toàn bộ tờ khai phải xử lý lại.

5. Thông tin về hàng hóa

Đây là một trong những nhóm thông tin quan trọng nhất của tờ khai hải quan.

5.1. Tên hàng

Tên hàng phải thể hiện được bản chất, đặc điểm nhận dạng cần thiết của hàng hóa.

Tên hàng quá chung chung như:

- “máy móc”;
- “thiết bị”;
- “linh kiện”;
- “hàng điện tử”;

thường không đủ để phản ánh chính xác bản chất hàng hóa trong những trường hợp cần mô tả cụ thể.

Tên hàng nên được xây dựng trên cơ sở:

Tên hàng + đặc điểm chính + model/ký hiệu (nếu có) + thông số kỹ thuật cần thiết + tình trạng hàng hóa khi cần thiết.

5.2. Mã HS

Mã HS là thông tin có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì là cơ sở để xác định phân loại hàng hóa và liên quan đến:

- thuế suất;
- chính sách quản lý;

- thống kê thương mại;
- một số biện pháp quản lý chuyên ngành;
- ưu đãi thuế quan theo điều kiện áp dụng.

Việc xác định mã HS phải dựa trên bản chất thực tế của hàng hóa và các quy tắc, chú giải, danh mục hàng hóa và quy định có liên quan.

Không nên xác định mã HS chỉ dựa vào tên thương mại của sản phẩm.

5.3. Số lượng và đơn vị tính

Số lượng phải phù hợp với chứng từ thương mại và thực tế hàng hóa.

Đơn vị tính phải được lựa chọn đúng theo yêu cầu khai báo. Người khai cần phân biệt:

- đơn vị tính thương mại;
- đơn vị tính khai báo hải quan;
- đơn vị tính thống kê hoặc đơn vị tính bổ sung nếu có yêu cầu.

5.4. Trọng lượng

Trọng lượng có thể được thể hiện dưới dạng trọng lượng cả bì hoặc trọng lượng tịnh tùy theo chỉ tiêu và yêu cầu khai báo.

Cần bảo đảm sự phù hợp giữa:

- Packing List;
- vận đơn;
- hóa đơn;
- tờ khai hải quan;
- thực tế hàng hóa.

5.5. Xuất xứ hàng hóa

Xuất xứ là thông tin quan trọng để xác định chính sách thương mại và khả năng áp dụng ưu đãi thuế quan.

Người khai cần phân biệt:

xuất xứ hàng hóa với nơi sản xuất, nơi gửi hàng hoặc nước xuất khẩu.

Ví dụ, một hàng hóa có thể được sản xuất tại Trung Quốc, được bán bởi một doanh nghiệp Singapore và vận chuyển từ Singapore sang Việt Nam. Khi đó, không thể mặc nhiên coi Singapore là xuất xứ của hàng hóa.

6. Thông tin về vận chuyển hàng hóa

Nhóm thông tin vận chuyển phản ánh quá trình hàng hóa di chuyển từ nơi xuất phát đến nơi nhập khẩu hoặc từ Việt Nam ra nước ngoài.

6.1. Phương thức vận chuyển

Tùy trường hợp, hàng hóa có thể được vận chuyển bằng:

- đường biển; đường hàng không;
- đường bộ; đường sắt;
- đường thủy nội địa;
- các phương thức khác theo quy định.

Phương thức vận chuyển có thể ảnh hưởng đến cách xác định địa điểm, chứng từ và các thông tin liên quan trên tờ khai.

6.2. Địa điểm xếp hàng và dỡ hàng

Địa điểm xếp hàng thể hiện nơi hàng hóa được đưa lên phương tiện vận tải; địa điểm dỡ hàng thể hiện nơi hàng hóa được đưa xuống phương tiện vận tải theo hành trình.

Đối với hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, các thông tin này thường gắn với cảng xếp hàng, cảng dỡ hàng và hành trình vận chuyển.

6.3. Phương tiện vận tải

Thông tin phương tiện vận tải có thể bao gồm tên tàu, số chuyến bay, biển số phương tiện hoặc các thông tin nhận diện tương ứng tùy phương thức vận tải.

Nhóm thông tin này giúp cơ quan Hải quan kết nối dữ liệu giữa:

tờ khai hải quan ↔ hàng hóa ↔ phương tiện vận tải ↔ chứng từ vận tải.

6.4. Vận đơn và chứng từ vận tải

Đối với hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển, thông tin vận đơn thường rất quan trọng. Tương tự, đối với hàng không có thể liên quan đến Air Waybill; vận chuyển đường bộ có thể liên quan đến các chứng từ vận tải tương ứng.

Người khai cần bảo đảm sự thống nhất giữa thông tin trên tờ khai và chứng từ vận tải, đặc biệt đối với:

- số vận đơn;
- số lượng kiện;
- trọng lượng;
- người gửi;
- người nhận;
- cảng/địa điểm xếp dỡ.

7. Thông tin về hóa đơn và trị giá

Nhóm thông tin này phản ánh cơ sở thương mại và giá trị của giao dịch xuất nhập khẩu.

7.1. Hóa đơn thương mại

Hóa đơn thương mại thường cung cấp các thông tin như:

- người bán;
- người mua;
- số hóa đơn;
- ngày phát hành;
- tên hàng;
- số lượng;
- đơn giá;
- tổng giá trị;
- điều kiện giao hàng;
- đồng tiền thanh toán.

Tờ khai hải quan phải được khai phù hợp với hóa đơn và các chứng từ liên quan, trừ những trường hợp pháp luật có quy định cách xác định riêng.

7.2. Đồng tiền thanh toán

Đồng tiền trên giao dịch thương mại có thể là USD, EUR, JPY hoặc các đồng tiền khác.

Khi xác định nghĩa vụ thuế bằng đồng Việt Nam, cần áp dụng tỷ giá theo quy định về trị giá hải quan và thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

7.3. Điều kiện giao hàng

Điều kiện giao hàng theo Incoterms hoặc thỏa thuận thương mại có thể ảnh hưởng đến cấu thành giá và việc xác định trị giá hải quan.

Ví dụ, cần phân biệt:

- EXW;
- FOB;
- CFR;
- CIF;
- DAP;
- DDP.

Người khai không nên chỉ nhìn vào con số trên hóa đơn mà phải hiểu **giá đó bao gồm những khoản chi phí nào và được hình thành theo điều kiện giao hàng nào.**

7.4. Trị giá hải quan

Trị giá hải quan là cơ sở quan trọng để tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong các trường hợp pháp luật quy định.

Đối với hàng nhập khẩu, trị giá hải quan không phải lúc nào cũng đơn giản bằng:

Trị giá trên hóa đơn = Trị giá hải quan.

Tùy trường hợp, cần xem xét các khoản điều chỉnh theo quy định và phương pháp xác định trị giá hải quan tương ứng.

Vì vậy, người khai cần kiểm tra mối quan hệ giữa:

giá hóa đơn → điều kiện giao hàng → chi phí liên quan → trị giá hải quan.

8. Thông tin về thuế và các khoản phải nộp

Sau khi xác định đúng hàng hóa, trị giá, xuất xứ và các yếu tố liên quan, hệ thống và người khai có cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính.

8.1. Thuế nhập khẩu

Thuế nhập khẩu có thể phụ thuộc vào:

- mã HS;
- trị giá tính thuế;
- xuất xứ;
- mức thuế suất được áp dụng;
- điều kiện hưởng ưu đãi nếu có.

Có thể khái quát công thức đối với trường hợp áp dụng thuế suất theo tỷ lệ:

Thuế nhập khẩu = Trị giá tính thuế × Thuế suất thuế nhập khẩu.

Tuy nhiên, đây chỉ là công thức khái quát; trong thực tế có thể có các trường hợp áp dụng thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp hoặc cơ chế tính thuế khác theo quy định.

8.2. Thuế giá trị gia tăng

Đối với hàng nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế GTGT hàng nhập khẩu được xác định trên cơ sở giá tính thuế theo quy định của pháp luật thuế.

Người khai cần tránh nhầm lẫn giữa **giá trị hàng hóa trên hóa đơn** và **giá tính thuế GTGT hàng nhập khẩu**.

8.3. Các loại thuế khác

Tùy từng mặt hàng, có thể phát sinh các loại thuế khác như:

- thuế tiêu thụ đặc biệt;
- thuế bảo vệ môi trường;

- thuế chống bán phá giá;
- thuế chống trợ cấp;
- thuế tự vệ;
- các khoản thu khác theo quy định.

Không phải mọi lô hàng đều chịu tất cả các loại thuế trên. Việc xác định nghĩa vụ phải căn cứ vào bản chất hàng hóa và chính sách thuế hiện hành.

8.4. Miễn, giảm và không thu thuế

Trong một số trường hợp, hàng hóa có thể thuộc diện:

- miễn thuế;
- giảm thuế;
- không chịu một loại thuế;
- được áp dụng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt;
- được hoàn thuế nếu đáp ứng điều kiện.

Do đó, người khai phải xác định đồng thời **hàng hóa có thuộc diện chịu thuế hay không và nếu chịu thuế thì áp dụng mức thuế nào**.

8.5. Kiểm tra tính hợp lý của số thuế

Sau khi khai báo, nên thực hiện kiểm tra chéo:

Mã HS → xuất xứ → thuế suất → trị giá tính thuế → số lượng → số tiền thuế.

Nếu một trong các yếu tố trên sai thì số tiền thuế có thể bị sai theo.

9. Thông tin về kiểm tra, thông quan và xử lý của Hải quan

Đây là nhóm thông tin phản ánh kết quả xử lý của cơ quan Hải quan đối với tờ khai.

9.1. Kiểm tra hồ sơ

Đối với trường hợp thuộc diện kiểm tra hồ sơ, cơ quan Hải quan có thể kiểm tra sự phù hợp giữa các thông tin khai báo với chứng từ thuộc hồ sơ hải quan và các dữ liệu liên quan.

Một số nội dung có thể được xem xét gồm:

- tên hàng;
- mã HS;
- trị giá;
- xuất xứ;
- số lượng;
- loại hình;
- chính sách mặt hàng;

- giấy phép;
- chứng từ chuyên ngành;
- các nội dung liên quan khác.

9.2. Kiểm tra thực tế hàng hóa

Trong trường hợp phải kiểm tra thực tế, cơ quan Hải quan thực hiện kiểm tra hàng hóa theo mức độ, phương thức và quy định tương ứng.

Mục tiêu là đối chiếu giữa:

hàng hóa thực tế ↔ khai báo trên tờ khai ↔ hồ sơ/chứng từ liên quan.

Nếu phát hiện sai lệch, cơ quan Hải quan có thể yêu cầu người khai giải trình, sửa đổi, bổ sung hoặc xử lý theo quy định tùy tính chất và mức độ vi phạm.

9.3. Kết quả xử lý

Sau quá trình xử lý, tờ khai có thể đạt trạng thái cho phép thông quan hoặc phải tiếp tục xử lý các vấn đề liên quan.

Người khai cần theo dõi trạng thái tờ khai trên hệ thống thay vì chỉ căn cứ vào việc đã “gửi tờ khai”.

Gửi tờ khai không đồng nghĩa với hoàn thành thủ tục hải quan.

Đây là điểm rất quan trọng đối với người mới học.

9.4. Thông quan hàng hóa

Thông quan là kết quả quan trọng của quá trình làm thủ tục hải quan khi hàng hóa đáp ứng các điều kiện theo quy định.

Tùy trường hợp, trước khi được thông quan, doanh nghiệp có thể phải:

- hoàn thành nghĩa vụ thuế;
- xuất trình hoặc bổ sung chứng từ;
- thực hiện kiểm tra hồ sơ;
- kiểm tra thực tế hàng hóa;
- hoàn thành thủ tục kiểm tra chuyên ngành nếu thuộc diện phải thực hiện;
- thực hiện các yêu cầu khác của cơ quan Hải quan.

9.5. Xử lý sau thông quan và trách nhiệm của người khai

Việc hàng hóa đã được thông quan không có nghĩa là mọi thông tin đã khai sẽ không còn được kiểm tra.

Cơ quan Hải quan có thể thực hiện kiểm tra sau thông quan và các hoạt động kiểm tra, thanh tra, xác minh theo thẩm quyền.

Vì vậy, doanh nghiệp phải lưu giữ chứng từ và bảo đảm tính chính xác của thông tin đã khai.

<EXP>

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

01/03

Số tờ khai	301570834630	Số tờ khai đầu tiên	-	/	
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	1	Mã loại hình	E42 1 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	4203
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	TTHUANHCM	Mã bộ phận xử lý tờ khai	00		
Ngày đăng ký	19/10/2017 08:26:38	Ngày thay đổi đăng ký		Thời hạn tái nhập/tái xuất	/ /

Người xuất khẩu

Mã

0300715369

Tên

Công ty TNHH Hung Way

Mã bưu chính

7099

Địa chỉ

Đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận, Q.7, TPHCM

Số điện thoại

37701904/37700514

Người ủy thác xuất khẩu

Mã

Tên

Người nhập khẩu

Mã

Tên

KJ WISDOM INTERNATIONAL CO.,LTD

Mã bưu chính

Địa chỉ

1F., NO.198, RENDER ST. KAOHSIUNG CITY 801, TAIWAN R.O.C

Mã nước

TW

Đại lý hải quan	Mã nhân viên Hải quan
Số vận đơn	
Số lượng	30 CT
Tổng trọng lượng hàng (Gross)	510,4 KGM
Địa điểm lưu kho	02XEX41 CTY HUNG WAY
Địa điểm dỡ hàng	JFNRT NARITA APT - TOKYO
Địa điểm xếp hàng	VNSGN HO CHI MINH
Phương tiện vận chuyển dự kiến	9999 FD0651/21OCT
Ngày hàng đi dự kiến	21/10/2017
Ký hiệu và số hiệu	30 CT - 1956 PRS

Giấy phép xuất khẩu	Số hóa đơn	A - V.0613/17
1	Số tiếp nhận hóa đơn điện tử	
2	Ngày phát hành	16/10/2017
3	Phương thức thanh toán	TTR
4	Tổng trị giá hóa đơn	FOB - USD - 26.570,15 - A
5	Tổng trị giá tính thuế	
	Tỷ giá tính thuế	USD - 22.685
	Tổng hệ số phân bổ trị giá	26.570,15

Phân loại không cần quy đổi VND	Người nộp thuế	Mã xác định thời hạn nộp thuế	Phân loại nộp thuế	A
Tổng số tiền thuế xuất khẩu		Tổng số tiền lệ phí VND		
Số tiền bảo lãnh				

Tổng số trang của tờ khai	3	Tổng số dòng hàng của tờ khai	2
---------------------------	---	-------------------------------	---

Số đính kèm khai báo điện tử	1	2	3
Phần ghi chú	CONSIGNEE: YOSHIDA SHIN SHOTEN - JAPAN		

Số quản lý nội bộ của doanh nghiệp

Số quản lý người sử dụng

00961

Mục thông báo của hải quan			
Tên trường đơn vị hải quan	CCT CC HQ KCX Tân Thuận (HCM)		
Ngày hoàn thành kiểm tra	19/10/2017 08:26:38		
Ngày cấp phép xuất nhập	19/10/2017 08:26:38		
Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)	20/10/2017		
Thông tin trung chuyển	Địa điểm	Ngày đến	Ngày khởi hành
1		/ /	/ /
2		/ /	/ /
3		/ /	/ /
Điểm đích cho vận chuyển bảo thuế	02B1A03	20/10/2017	

<EXP>		Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)				02/03	
Số tờ khai	301570834630	Số tờ khai đầu tiên	-		/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng							
Mã phân loại kiểm tra	1	Mã loại hình	E42 1 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	4203		
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		TTHUANHCM	Mã bộ phận xử lý tờ khai		00		
Ngày đăng ký	19/10/2017 08:26:38	Ngày thay đổi đăng ký	Thời hạn tái nhập/tái xuất		/ /		

Vanning
Địa điểm xếp hàng lên xe chở hàng
Mã
Tên
Địa chỉ

1	2	3	4	5
6	7	8	9	10
11	12	13	14	15
16	17	18	19	20
21	22	23	24	25
26	27	28	29	30
31	32	33	34	35
36	37	38	39	40
41	42	43	44	45
46	47	48	49	50

Chỉ thị của Hải quan			
	Ngày	Tên	Nội dung
1	/ /		
2	/ /		
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		

<EXP>

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

03/03

Số tờ khai	301570834630	Số tờ khai đầu tiên	-	/	
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	1	Mã loại hình	E42 1 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	4203
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		TTHUANHCM		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	19/10/2017 08:26:38	Ngày thay đổi đăng ký		Thời hạn tái nhập/tái xuất	/ /

<01>					
Mã số hàng hóa	42032100	Mã quản lý riêng	202XE	Mã phân loại tái xác nhận giá	[]
Mô tả hàng hóa	VN17-0606#& GẮNG TAY DA #&VN				
				Số lượng (1)	1.311 PR
				Số lượng (2)	
Trị giá hóa đơn	16.190,85			Đơn giá hóa đơn	12,35 - USD - PR
Thuế xuất khẩu					
Trị giá tính thuế (S)	367.289.432,25 VND			Trị giá tính thuế (M)	-
Số lượng tính thuế				Đơn giá tính thuế	280.159,75 - VND - PR
Thuế suất					
Số tiền thuế	VND				
Số tiền miễn giảm	VND				
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Danh mục miễn thuế nhập khẩu					
Tiền lệ phí	Đơn giá			Tiền lệ phí	Đơn giá
	Số lượng				Số lượng
	Khoản tiền		VND		Khoản tiền
					VND
Mã văn bản pháp luật khác	1	2	3	4	5
Miễn/giảm/không chịu thuế xuất khẩu			XNK31	HÀNG TỪ KHU PTQ XK RA NƯỚC NGOÀI	

<02>					
Mã số hàng hóa	42032100	Mã quản lý riêng	202XE	Mã phân loại tái xác nhận giá	[]
Mô tả hàng hóa	VN17-0606#& GẮNG TAY DA #&VN				
				Số lượng (1)	20 PR
				Số lượng (2)	
Trị giá hóa đơn	364,2			Đơn giá hóa đơn	18,21 - USD - PR
Thuế xuất khẩu					
Trị giá tính thuế (S)	8.261.877 VND			Trị giá tính thuế (M)	-
Số lượng tính thuế				Đơn giá tính thuế	413.093,85 - VND - PR
Thuế suất					
Số tiền thuế	VND				
Số tiền miễn giảm	VND				
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Danh mục miễn thuế nhập khẩu					
Tiền lệ phí	Đơn giá			Tiền lệ phí	Đơn giá
	Số lượng				Số lượng
	Khoản tiền		VND		Khoản tiền
					VND
Mã văn bản pháp luật khác	1	2	3	4	5
Miễn/giảm/không chịu thuế xuất khẩu					

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu

Số tờ khai	100210154701	Số tờ khai đầu tiên	-	/	
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A41 2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	1901
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		02PG - Chi cục Hải quan quản lý hàng đầu tư		Mã bộ phận xử lý tờ khai	01
Ngày đăng ký	20/11/2014 14:37:48	Ngày thay đổi đăng ký	21/11/2014 9:55:01	Thời hạn tái nhập/tái xuất	/ /

Người nhập khẩu

Mã 0306168401 -

Tên Công ty TNHH Lotte Vina International

Mã bưu chính (+84) 43

Địa chỉ Số 2, Nguyễn Khắc Viện, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM

Số điện thoại 08 54138119

Người ủy thác nhập khẩu

Mã

Tên

Người xuất khẩu

Mã

Tên LOTTE INTERNATIONAL CO.,LTD

Mã bưu chính

Địa chỉ 3,4F, KOOKMIN1 BLDG 1009-5 DAECHI-DONG KOREA

Mã nước TH

Người ủy thác xuất khẩu SUMITOMO CORPORATION THAILAND LTD

Đại lý hải quan		Mã nhân viên Hải quan	
Số vận đơn	Địa điểm lưu kho	02H3S01	LD PT TIEP VAN SO 1
1 AISCHOC1411013	Địa điểm dỡ hàng	VNVIC	CANG VICT
2	Địa điểm xếp hàng	THBKK	BANGKOK
3	Phương tiện vận chuyển		
4	9999		HANJIN SAO PAULO V.0080E
5	Ngày hàng đến		18/11/2014
Số lượng	Ký hiệu và số hiệu		
Tổng trọng lượng hàng (Gross)			
Số lượng container			
2.300 CT			
24.380.000 KGM			
1			
	Ngày được phép nhập kho đầu tiên		18/11/2014
	Mã văn bản pháp quy khác		

Số hóa đơn A - TC.60023-8

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành 05/11/2014

Phương thức thanh toán TTR

Tổng trị giá hóa đơn A - FOB - USD - 39.330

Tổng trị giá tính thuế 840.916.680

Tổng hệ số phân bổ trị giá 39.330,0000 -

Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giáp phép nhập khẩu			
1 -	2 -	3 -	
4 -	5 -		

Mã phân loại khai trị giá 6

Khai trị giá tổng hợp

Các khoản điều chỉnh

Phí vận chuyển A- USD - 250

Phí bảo hiểm D

Mã tên	Mã phân loại	Trị giá khoản điều chỉnh	Tổng hệ số phân bổ
1 -	-	-	
2 -	-	-	
3 -	-	-	
4 -	-	-	
5 -	-	-	

Chi tiết khai trị giá

Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng		
1 N Thuế NK	42.045.834 VND	1	Tổng số tiền thuế phải nộp	130.342.085 VND
2 V Thuế GTGT	88.296.251 VND	1	Số tiền bảo lãnh	VND
3	VND		Tỷ giá tính thuế	USD - 21.246
4	VND			
5	VND			
6	VND		Mã xác định thời hạn nộp thuế	D
			Mã lý do đề nghị BP	Người nộp thuế 1
				Phân loại nộp thuế A

Tổng số trang của tờ khai

Tổng số dòng hàng của tờ khai

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu

Số tờ khai	100210154701	Số tờ khai đầu tiên	-	/	
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A41 2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	1901
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai				Mã bộ phận xử lý tờ khai	01
Ngày đăng ký	20/11/2014 14:37:48	Ngày thay đổi đăng ký	21/11/2014 9:55:01	Thời hạn tái nhập/tái xuất	/ /
Số đính kèm khai báo điện tử	1 ETC - 720125959730	2	-	3	-
Phần ghi chú	C/O FORM D: ID2014-0273603, Hợp đồng: 39/LV-LT.14 ngày 28/8/2014, KT TT 3, XIN ĐƯA HÀNG VỀ KHO BẢO QUẢN				
Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp		Số quản lý người sử dụng			
Phân loại chỉ thị của Hải quan					
	Ngày	Tên	Nội dung		
1	21/11/2014	MANG HÀNG VỀ BẢO QUẢN	CHO MANG HÀNG VỀ BẢO QUẢN, CHỜ KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG.		
2	/ /				
3	/ /				
4	/ /				
5	/ /				
6	/ /				
7	/ /				
8	/ /				
9	/ /				
10	/ /				
Mục thông báo của Hải quan					
Tên trưởng đơn vị Hải quan		Chi cục Trưởng Chi cục Hải quan Quản lý hàng đầu tư HCM			
Ngày cấp phép		25/11/2014 16:21:36			
Ngày hoàn thành kiểm tra		25/11/2014 16:20:46			
Phân loại thẩm tra sau thông quan					
Ngày phê duyệt BP		/ /			
Ngày hoàn thành kiểm tra BP		/ /			
Số ngày mong đợi đến khi cấp phép		/ /			
Tổng số tiền thuế chấp nộp		Dành cho VAT hàng hóa đặc biệt			
/ /		/ /			
/ /		/ /			
/ /		/ /			
Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)		/ /			
Địa điểm		Ngày đến	Ngày khởi hành		
Thông tin trung chuyển	1	/ /	~	/	/
	2	/ /	~	/	/
	3	/ /	~	/	/
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế					

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu

Số tờ khai	100210154701	Số tờ khai đầu tiên	-	/	
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A41 2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	1901
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai				Mã bộ phận xử lý tờ khai	01
Ngày đăng ký	20/11/2014 14:37:48	Ngày thay đổi đăng ký	21/11/2014 9:55:01	Thời hạn tái nhập/tái xuất	/ /

<01>				
Mã số hàng hóa	19012010	Mã quản lý riêng		Mã phân loại tái xác nhận giá []
Mô tả hàng hóa	Bột chiên gà (Lotteria Chicken Breeder Mix, 10 bao/thùng, 1 bao = 1kg) hàng mới 100%			
			Số lượng (1)	2.300 UNK
Số của mục khai khoản điều chỉnh			Số lượng (2)	
Trị giá hóa đơn	39.330		Đơn giá hóa đơn	17,1-USD UNK
Thuế nhập khẩu				
Trị giá tính thuế (S)	840.916.680	VND	Trị giá tính thuế (M)	-
Số lượng tính thuế			Đơn giá tính thuế	365.615,947826 - VND - UNK
Thuế suất	c 5%		Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	42.045.834	VND	Nước xuất xứ	TH - THAILAND-B04
Số tiền miễn giảm		VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng				
Danh mục miễn thuế nhập khẩu				
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu				

Thuế và thu khác				
1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	882.962.514	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	88.296.251	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

III. THÔNG TIN CHUNG TRÊN TỜ KHAI

1. Số tờ khai

Số tờ khai là thông tin nhận diện quan trọng nhất của một tờ khai hải quan. Mỗi tờ khai được hệ thống hải quan điện tử cấp một số riêng sau khi được tiếp nhận, giúp cơ quan Hải quan và người khai hải quan tra cứu, quản lý và theo dõi toàn bộ quá trình xử lý của tờ khai.

Có thể hiểu đơn giản:

Số tờ khai giống như “mã định danh” của một bộ dữ liệu khai báo hải quan.

Trong thực tế nghiệp vụ, số tờ khai được sử dụng để:

- Tra cứu thông tin tờ khai;
- Theo dõi trạng thái xử lý;
- Đối chiếu với chứng từ xuất nhập khẩu;
- Thực hiện các nghiệp vụ sửa đổi, bổ sung khi được phép;
- Theo dõi việc nộp thuế và các khoản phải nộp;
- Làm căn cứ liên hệ với cơ quan Hải quan;
- Đối chiếu với hồ sơ kế toán, logistics và hồ sơ nội bộ doanh nghiệp.

Ví dụ

Công ty A nhập khẩu một lô máy móc từ Hàn Quốc. Sau khi thực hiện khai báo trên hệ thống, tờ khai được tiếp nhận và cấp số.

Trong quá trình xử lý, doanh nghiệp cần cung cấp số tờ khai khi:

- Làm việc với cán bộ Hải quan;
- Kiểm tra trạng thái thông quan;
- Đối chiếu với bộ chứng từ;
- Theo dõi nghĩa vụ thuế;
- Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến lô hàng.

Lưu ý

Không nên nhầm **số tờ khai** với:

- số hợp đồng;
- số hóa đơn thương mại;
- số vận đơn;
- số container;
- số đăng ký của phương tiện vận tải.

Mỗi thông tin có một chức năng riêng.

2. Số tờ khai liên quan

Số tờ khai liên quan được sử dụng để thể hiện mối quan hệ giữa tờ khai đang thực hiện với một hoặc nhiều tờ khai khác trong trường hợp nghiệp vụ hải quan có liên quan.

Thông tin này đặc biệt hữu ích trong những nghiệp vụ mà một giao dịch hoặc một quá trình quản lý hàng hóa không được phản ánh chỉ bằng một tờ khai độc lập.

Ví dụ có thể phát sinh mối quan hệ giữa:

- Tờ khai xuất khẩu và tờ khai nhập khẩu;
- Tờ khai tạm nhập và tờ khai tái xuất;
- Tờ khai tạm xuất và tờ khai tái nhập;
- Tờ khai mới với tờ khai trước đó trong trường hợp nghiệp vụ được pháp luật cho phép tham chiếu;
- Các tờ khai có quan hệ nghiệp vụ trong quá trình theo dõi hàng hóa.

Ví dụ

Doanh nghiệp Việt Nam tạm nhập một thiết bị từ nước ngoài để phục vụ một sự kiện trong thời gian nhất định. Sau khi kết thúc sự kiện, thiết bị được tái xuất.

Khi thực hiện nghiệp vụ tái xuất, tờ khai tái xuất có thể cần tham chiếu đến thông tin của tờ khai tạm nhập theo quy định.

Có thể hình dung:

Tờ khai tạm nhập → quản lý hàng hóa → tờ khai tái xuất

Số tờ khai liên quan giúp cơ quan Hải quan kết nối các nghiệp vụ này trong hệ thống.

Ý nghĩa nghiệp vụ

Khi kiểm tra số tờ khai liên quan, người khai cần đặt câu hỏi:

“Tờ khai hiện tại có phải là một phần của một quá trình nghiệp vụ trước đó hay không?”

Nếu có, cần xác định chính xác tờ khai nào có quan hệ và khai báo theo đúng quy định của loại hình tương ứng.

Lưu ý

Không được tùy tiện nhập số của một tờ khai bất kỳ vào chỉ tiêu này. Số tờ khai liên quan phải phản ánh **mối quan hệ nghiệp vụ thực tế** giữa các tờ khai.

3. Mã phân loại kiểm tra

Mã phân loại kiểm tra là thông tin phục vụ việc xác định phương thức hoặc mức độ kiểm tra đối với tờ khai trong quá trình quản lý hải quan.

Đây là một trong những thông tin mà người khai cần đặc biệt quan tâm sau khi gửi tờ khai, bởi nó phản ánh cách tờ khai được hệ thống và cơ quan Hải quan xử lý.

Về mặt nghiệp vụ, việc kiểm tra hải quan được thực hiện trên cơ sở **quản lý rủi ro**. Không phải mọi lô hàng đều được kiểm tra với mức độ giống nhau.

Có thể khái quát các trường hợp thường gặp theo ba mức:

3.1. Kiểm tra ở mức thấp

Tờ khai có thể được xử lý theo hướng đơn giản hơn khi hệ thống xác định không cần thực hiện các bước kiểm tra hồ sơ hoặc kiểm tra thực tế tương ứng.

Trong thực tế thường được người khai gọi là **luồng xanh**.

3.2. Kiểm tra hồ sơ

Tờ khai thuộc trường hợp phải kiểm tra hồ sơ, chứng từ liên quan trước khi hoàn thành thủ tục. Đây thường được gọi là **luồng vàng**.

Cơ quan Hải quan có thể kiểm tra các nội dung như:

- Tên hàng;
- Mã HS;
- Trị giá;
- Xuất xứ;
- Số lượng;
- Loại hình;
- Chính sách mặt hàng;
- Giấy phép;
- Chứng từ chuyên ngành.

3.3. Kiểm tra thực tế hàng hóa

Tờ khai thuộc trường hợp kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định. Đây thường được gọi là **luồng đỏ**.

Việc kiểm tra thực tế nhằm đối chiếu: **Hàng thực tế ↔ khai báo ↔ chứng từ**.

Ý nghĩa đối với người khai

Mã phân loại kiểm tra giúp người khai biết tờ khai đang được xử lý ở mức độ nào và chủ động chuẩn bị các công việc tiếp theo.

Tuy nhiên, cần nhớ: **Phân luồng không phải là kết luận rằng doanh nghiệp tốt hay xấu**. Đây là một công cụ quản lý rủi ro của cơ quan Hải quan.

4. Mã loại hình

Mã loại hình là một trong những chỉ tiêu quan trọng nhất trên tờ khai hải quan.

Mã loại hình phản ánh **bản chất nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu** mà doanh nghiệp đang thực hiện.

Việc lựa chọn mã loại hình phải căn cứ vào mục đích thực tế của giao dịch và quy định nghiệp vụ hải quan, không được lựa chọn chỉ dựa vào tên hàng.

Một số nhóm nghiệp vụ thường gặp có thể bao gồm:

- Nhập khẩu kinh doanh;
- Xuất khẩu kinh doanh;
- Nhập nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu;
- Nhập nguyên liệu, vật tư theo loại hình gia công;
- Tạm nhập – tái xuất;
- Tạm xuất – tái nhập;
- Xuất nhập khẩu tại chỗ;
- Doanh nghiệp chế xuất;
- Các loại hình khác theo quy định.

Ví dụ

Doanh nghiệp A nhập 10 tấn thép về Việt Nam để bán trong nước.

Đây là một giao dịch nhập khẩu kinh doanh.

Trong khi đó, doanh nghiệp B nhập vải từ nước ngoài để sản xuất quần áo rồi xuất khẩu sản phẩm.

Bản chất nghiệp vụ khác doanh nghiệp A nên việc xác định loại hình cũng phải được xem xét theo mục đích nhập khẩu và chế độ quản lý tương ứng.

Vì sao mã loại hình quan trọng?

Mã loại hình có thể ảnh hưởng đến:

- Chính sách thuế;
- Chính sách quản lý hàng hóa;
- Theo dõi nguyên liệu, vật tư;
- Định mức sản xuất;
- Nghĩa vụ báo cáo, quyết toán trong những trường hợp áp dụng;
- Điều kiện miễn thuế hoặc hoàn thuế;
- Phương thức quản lý hàng hóa sau khi thông quan.

Do đó: **Sai mã loại hình có thể dẫn đến sai bản chất của cả tờ khai.**

Đăng ký mua sách để xem tiếp nhé!
M, Z: 0913106015 - Trần Quang Vũ



Bộ sách xuất nhập khẩu

